

HÀN MẶC TỬ, “TRƯỜNG THƠ LOẠN” VỚI SỰ HÌNH THÀNH KHUYNH HƯỚNG LÃNG MẠN TƯỢNG TRUNG Ở BÌNH ĐỊNH 1932-1945

NCS. Nguyễn Toàn Thắng

Từ sau năm 1986, với tinh thần nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca (về phong trào Thơ mới 1932 - 1945), lý luận nghiên cứu phê bình Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể. Việc đánh giá lại Hàn Mặc Tử và “*Trường thơ loạn*” được coi là một trong những vấn đề có ý nghĩa bức xúc. Trước đây do hoàn cảnh đất nước phải trải qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc, chúng ta ít có dịp đề cập tới các thi sĩ “*Trường thơ loạn*” ở Bình Định nói riêng và khuynh hướng thơ lãng mạn tượng tự trước 1945 nói chung. Đã đến lúc giới nghiên cứu không thể bỏ sót những hiện tượng có liên quan tới bước đi thể kỷ của văn học Việt Nam một trăm năm qua. Hàn Mặc Tử và “*Trường thơ loạn*” ở Quy Nhơn Bình Định là một trong những vạt nắng trời kỳ lạ của bình minh thơ Việt Nam hiện đại. Có thể coi đây là những dấu tích quan trọng trong sự hình thành khuynh hướng lãng mạn tượng trung. Hàn Mặc Tử và các thi sĩ “*Trường thơ loạn*” đã nhanh chóng lướt qua ranh giới lãng mạn, tự xây cất ngôi đền thơ tượng trung ở Bình Định. Đó chính là chứng tích về một thời kỳ phát triển độc đáo của phong trào thơ mới ở Nam Trung Bộ- một không gian văn hoá lịch sử địa lý, một không gian thơ “kinh dị” mà người ta vẫn gọi bằng cái tên quen thuộc: “Trường thơ Bình Định”.

Sự nảy sinh các phong trào văn học, khuynh hướng văn học, dòng văn học, trường phái văn học, nhóm sáng tác thường là những dấu hiệu đích thực về quá trình phát triển văn chương. Nhìn lại lịch sử văn học Việt Nam, chúng ta từng biết đến “*Hội tao đàn*” do vua Lê Thánh Tông chủ trì vào cuối thế kỷ XV, *Chiêu Anh Các* của Mạc Thiên Tích cùng một số danh sĩ triều Nguyễn ở Hà Tiên và Ngô Gia Văn Phái của dòng họ Ngô Thì ở Hà Đông vào thế kỷ XVIII. Đầu thế kỷ XX, nhất là vào giai đoạn 1930-1945, người ta lại chứng kiến sự xuất hiện rầm rộ của các tổ chức văn học, các thi phái, văn phái. Về văn xuôi trước tiên

phải kể đến nhóm *Tự Lực Văn Đoàn* với các tên tuổi Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo... Nhóm này vừa có tuyên ngôn nghệ thuật vừa có thực tiễn sáng tác hàng loạt tiểu thuyết truyện ngắn, có nhà xuất bản in ấn phát hành. Bên cạnh văn xuôi lãng mạn là văn xuôi hiện thực phê phán với các đại biểu xuất sắc như Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan... Về thơ ca thì quả là một thời đại mới. Cuộc giao tranh giữa thơ cũ với thơ mới đã náo động thi đàn cả nước và kết thúc bằng sự thắng lợi của thơ viết theo lối mới. Năm 1942 tác phẩm "*Thi nhân Việt Nam*" của Hoài Thanh đã tổng kết, đánh giá một cách tài tình về phong trào Thơ mới. Nhà nghiên cứu đã rất thận trọng và dè dặt khi phân định các khuynh hướng thơ ca. Ông viết: "Tôi chia làm ba dòng: dòng Pháp, dòng Đường và dòng Việt, ấy cũng là liêu" và người ta có thể thấy trong làng thơ những xóm như:

- Xóm sông Thương: Bằng Bá Lân, Anh Thơ.
- Xóm Tự Lực: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận
- Xóm Đông Phương: Lưu Trọng Lư, Thái Can
- Xóm Huế: Phan Văn Dật, Nam Trân, Nguyễn Đình Nhu
- Xóm Bình Định: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên
- Xóm Hà Tiên: Đông Hồ, Mộng Tuyết (1)

Sự phân chia theo địa dư như vậy là quá rõ. Với mẫn cảm tinh tế, Hoài Thanh cũng đã kịp nhận ra sự khó khăn phức tạp của việc phân chia theo tiêu chí này: "nhưng trong các xóm, dân ngụ cư nhiều quá, không có gì thuần nhất. Và đã chia nhóm rồi phải đặt "trùm xóm" cũng lười thôi"(2)

Tuy vậy nếu nhìn vào bức tranh toàn cảnh phong trào thơ mới, ta thấy cái tên "*Xóm Bình Định*" đã được Hoài Thanh thừa nhận và xếp vào một khoảng trời riêng của thi ca miền Nam Trung Bộ với vền vện hai chủ nhân: Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên.

Cũng có thể tác giả Thi nhân Việt Nam chưa có điều kiện để nói nhiều về nhóm thơ này. Đương thời người ta đã quen với những cái tên như: "Trường thơ Bình Định", "Trường thơ loạn", "Trường thơ điên", "Nhóm thơ Quy Nhơn", "Nhóm thơ Bình Định", hoặc "Nhóm Tứ Linh", "Nhóm Bàn Thành Tứ Hữu"... Cho đến nay vẫn có không ít

người chưa rõ về các tên gọi này. Thực ra, việc hình thành “Xóm Bình Định” là một hiện tượng khá độc đáo trong tiến trình phát triển thơ ca Việt Nam hiện đại 1932-1945 với các tên tuổi nổi tiếng như: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yến Lan, Quách Tấn, Bích Khê, Hoàng Diệp, Nguyễn Việt Lâm, Nguyễn Minh Vĩ, Huy Vân...

Nói tới Bình Định cũng có nghĩa là nói đến màu xanh bất tận của những rừng dừa trĩu quả. Nơi đây là mảnh đất Tây Sơn lịch sử với những làng võ nổi tiếng, những ngôi tháp cổ uy nghi bí ẩn. Mảnh đất địa linh nhân kiệt này đã sản sinh ra biết bao nhân tài văn võ song toàn những anh hùng liệt nữ như Quang Trung Nguyễn Huệ, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Tăng Bạt Hổ, Mai Xuân Thưởng... Có người còn nói Quy Nhơn là thành phố thi ca. Đó là một vùng mây trời non nước trắng lè, sơn thủy hữu tình với những bóng Tháp Chàm u buồn trầm mặc cổ kính rêu phong soi mình xuống gương nước Thái Bình Dương cùng sóng biển muôn đời thì thâm bao huyền thoại... Tất cả những vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên, vẻ đẹp rực rỡ lung linh của truyền thống văn hoá lịch sử ấy đã làm thăng hoa cảm xúc thi nhân, tạo ra một “cõi thơ” riêng của miền Nam Trung Bộ.

Cho đến nay, dường như vẫn chưa có một công trình nghiên cứu thật đầy đủ về thi ca ở Quy Nhơn-Bình Định. Đã có nhiều người coi *Trường thơ 1 oạn* là *Trường thơ Bình Định* hoặc *Trường thơ Bình Định* là một tên gọi khác của *nhóm thơ Bình Định*. Cũng có người lại đồng nhất *nhóm thơ Quy Nhơn* với *nhóm thơ Bình Định*. Cách phân chia theo địa dư đã đem đến khá nhiều sự rắc rối phức tạp.

Gần đây trong cuốn “*Thi ca Việt Nam thời tiền chiến*” căn cứ vào tính chất của thi phẩm, ông Phan Canh đã phân chia thơ 1932-1945 thành 7 khuynh hướng:

- Khuynh hướng cổ điển (Classicisme)
- Khuynh hướng lãng mạn (Romatisme)
- Khuynh hướng tượng trưng (Symbolisme)
- Khuynh hướng siêu thực (Surrealisme)
- Khuynh hướng ấn tượng (Impressionnisme)
- Khuynh hướng hiện thực (Realisme)
- Khuynh hướng xã hội (Sociologisme)

Vậy thơ ca Bình Định thuộc khuynh hướng nào?

Trước hết chúng ta hãy tôn trọng những cái tên có ý nghĩa lịch sử văn học đã từng tồn tại trong ký ức của độc giả 60 năm qua như đã kể trên. Nhưng nếu chỉ gọi tên như vậy thì khó mà hình dung được về quá trình phát triển của *thơ ca Bình Định*. Theo quy luật phát triển văn học thì sự hình thành các khuynh hướng thơ ca thường được thể hiện trong phương pháp sáng tác và thực tiễn sáng tác. Xét đến cùng thì trào lưu, trường phái, khuynh hướng, nhóm sáng tác đều là hình thức tổ chức đời sống văn học, là sự cố vũ tập hợp lực lượng theo những quan niệm yêu cầu sáng tác nào đó. Khi nhà văn thừa nhận một tổ chức văn học cũng tức là tự nguyện chọn một mũi nhọn để tập trung nỗ lực phát huy sở trường của mình để đưa văn học thoát khỏi lối mòn, vươn lên một trình độ mới. Con đường đi của một khuynh hướng, trào lưu văn học và sự tập trung sức lực của nhiều người, nhiều thế hệ cùng suy nghĩ nhằm đi đến triển khai đầy đủ một số quan niệm sáng tác nào đó.

Thực chất, sự xuất hiện các tổ chức thi phái ở Bình Định nói riêng và trong thơ Việt Nam 1932-1945 nói chung, chính là dấu hiệu của việc chuyển dịch những quan điểm thẩm mỹ và phương pháp sáng tác của các nhà thơ. Khái niệm *Trường thơ Bình Định* từ lâu đã bao hàm ý nghĩa một không gian thơ, một vùng thơ có vị trí địa lý lịch sử văn hóa rõ rệt. *Trường thơ Bình Định* vừa có tính hệ thống về sự phát triển thơ ca lại vừa có sự đa dạng của các khuynh hướng sáng tác. Như vậy khái niệm *Trường thơ Bình Định* có ý nghĩa bao quát chung nhất cả về lịch đại và đồng đại trong quá trình tiến triển của thi ca Nam Trung Bộ.

Ở phạm vi hẹp hơn *Trường thơ ca Bình Định*, *nhóm thơ Bình Định* và *Nhóm Trường thơ Loạn* là các tổ chức thi phái có nguồn gốc phát sinh phát triển và đã phân hoá theo những khuynh hướng khác nhau. Theo Nguyễn Viết Lãm - một trong những nhà thơ có mặt hồi ấy thì vào những năm 30 Nhóm thơ Quy Nhơn được hình thành từ tổ chức Thái Dương văn đoàn ở Bình Định bao gồm các nhà thơ đang sống hoặc đang học ở trường Quốc học Quy Nhơn. Họ đã tự tập hợp lại để giúp nhau sáng tác, gần gũi yêu thương nhau vì hầu hết những người trong nhóm đều thuộc tầng lớp nghèo. Như vậy, Thái Dương văn đoàn là

một tập hợp đông đảo những người làm thơ và yêu thơ. Rất có thể trong họ tiềm ẩn nhiều tài năng và những khuynh hướng sáng tác khác nhau. Thực tế lịch sử phát triển thơ ca Việt Nam hiện đại đã chứng minh điều này. Từ Quy Nhơn, Xuân Diệu, Nguyễn Xuân Sanh qua Huế rồi ra Hà Nội. Riêng Phạm Văn Ký sang Pháp, Chế Lan Viên và Nguyễn Việt Lãm học năm thứ hai trường Quốc học Quy Nhơn. Yến Lan thì ở trên thành Bình Định. Hàn Mặc Tử và Hoàng Diệp lớn tuổi hơn cả. Trong nhóm thơ có Huy Vân là người Tuy Phước rất tâm huyết với thơ ca nhưng không may mất sớm. Nguyễn Việt Lãm có hai bút danh là: Việt Chi(văn xuôi) và Nguyễn Hạnh Đàn(thơ). Yến Lan cũng có hai bút danh: khi làm thơ thì ký Yến Lan và khi viết văn thì lại lấy tên Xuân Khai. Anh em Quy Nhơn thường gọi Yến Lan là Giang Châu Tư Mã. Nổi bật nhất trong nhóm văn là Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên. Hàn Mặc Tử được coi là người anh cả vừa có tài năng lại vừa có tình. Sau này Nguyễn Việt Lãm hồi tưởng: “Anh Hàn Mặc Tử thường có những suy nghĩ về thơ khá rộng rãi. Anh tôn trọng những hướng thơ khác với hướng thơ của anh...”. Hàn Mặc Tử rất khen Chế Lan Viên, rất thích Bích Khê “vì cậu ấy không theo khuôn ai cả”(4). Trong các thi sĩ Quy Nhơn hồi ấy còn có cả Hoàng Diệp người Huế (bạn của Thanh Tịnh) là Trọng Minh (tức Nguyễn Minh Vĩ)... Thực ra, nhóm thơ Quy Nhơn là lực lượng nòng cốt của nhóm thơ lớn hơn theo phạm vi cả tỉnh: Nhóm Bình Định. Lâu nay người ta vẫn quen cả hai cách gọi tên như vậy. Theo sự hồi tưởng của Nguyễn Minh Vĩ thì Thái Dương văn đoàn gồm có các nhà thơ vốn là học sinh trường College Quy Nhơn cùng một số người ở các tỉnh phía Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Yến Lan, Nguyễn Việt Lãm, Phú Sơn, Trọng Minh. Hàn Mặc Tử là người đứng đầu Thái Dương văn đoàn, thơ của anh được anh em học sinh Quy Nhơn yêu thích chép truyền tay và thuộc lòng.

Giữa lúc đó, trên thi đàn Việt Nam nổ ra những cuộc khẩu chiến quyết liệt giữa hai phái thơ cũ và thơ mới. Kết quả là những ông đồ già ngậm ngùi lui về các thị xã hẻo lánh ôm theo “giấy đỏ buồn không thắm” với “mực đọng trong nghiên sâu”. Thi ca ở Bình Định và Miền Trung bắt đầu có sự phân hoá. Thời gian sàng lọc những thi tài và kết tinh lại ở những nhà thơ ưu tú nhất: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Quách Tấn, Yến Lan. Theo Trần Thị Huyền Trang thì đây chính là bốn

nhà thơ trong “Bán thành Tứ hữu”- Nhóm thơ Bình Định. Quách Tấn và Hàn Mặc Tử được coi như những người anh (Quách Tấn sinh năm 1910, Hàn Mặc Tử sinh năm 1912, Yến Lan sinh năm 1916 và Chế Lan Viên sinh năm 1920). Ông Trần Kiên Mỹ (tức Trần Thống) trong bài “Bình Định lắm duyên với thi sĩ” đã gọi Bàn Thành tứ hữu này là Tứ Linh, trong đó Long là Hàn, Lân là Yến, Quy là Quách và Phụng là Chế. Đây cũng là một cách so sánh lý thú đặc biệt phù hợp với từng người trong nhóm(5).

Hàn Mặc Tử và anh em trong nhóm Tứ Linh thường gặp nhau ở số nhà 20 đường Khải Định, thành phố Quy Nhơn để đọc thơ mới viết, bình thơ và góp ý cho từng người. Mục đích của cả nhóm là tìm cách sáng tạo thơ ca có giá trị thẩm mỹ cao làm rung động độc giả, tạo dựng trời thơ riêng của Nam Trung Bộ. Với tài thơ và uy tín quảng đại, Hàn Mặc Tử thực sự được coi là trung tâm đoàn kết của mọi người mặc dù khuynh hướng sáng tác trong cả nhóm không hề đồng nhất.

Lúc đó ngoài Bắc thơ mới lãng mạn với những tên tuổi lẫy lừng như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận càng thôi thúc ý tưởng sáng tạo riêng biệt của nhóm Bình Định. Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên đã sưu tầm và đọc rất kỹ thơ của Baudelaire, Edgar Poe và trường phái thơ tượng trưng Pháp. Họ coi đó là những tiền đề gợi ý một lối viết mới cho thơ Việt Nam. Tài sản của cả nhóm thơ bắt đầu hình thành. Hàn Mặc Tử đã có “Gái Quê”(1936), Chế Lan Viên chuẩn bị in “Điều tàn”, Yến Lan khẩn trương hoàn thành “Giếng loạn”, Quách Tấn in “Một tấm lòng” và tập hợp bản thảo cho “Mùa cổ điển”, Hoàng Diệp có “Xác thu”... Khuynh hướng thơ lãng mạn tượng trưng đã thu hút Hàn, Chế, Yến rất mạnh. Riêng Quách Tấn không hiểu vì sao vẫn thích gieo thêm một “Mùa cổ điển” luật Đường. Sau khi phát hiện ra những biến đổi khuynh hướng sáng tác của các nhà thơ bạn hữu, Hàn Mặc Tử- “con rồng trong nhóm tứ linh” đã tỏ rõ vai trò của mình. Ông nghĩ tới việc suy nghĩ một khuynh hướng sáng tác mới mẻ trên cơ sở nhóm thơ Bình Định. Tập thơ “Giếng loạn” của Yến Lan đã ngẫu nhiên gợi ý cho một cái tên mới: nhóm “Trường thơ Giếng loạn”, sau đó gọi ngắn gọn lại là “Trường thơ loạn”. Tuyên ngôn của “trường phái” là “Tựa điều tàn”. Hàn Mặc Tử được mệnh danh là “vị chúa của trường thơ

loạn”. “Trị vì” cái vương quốc kỳ dị này Hàn Mặc Tử đã hình dung ra tất cả:

“Ta sống mãi với trăng sao gấm vóc
Trong nắng thơm, trong tiếng nhạc thân bay”.

và:

“...chan chứa ý ly tao giây sáng sốt
Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hạt
Câu khúc tình bằng chiếu mạng người thơ”
(“Trường thơ”, “Thượng than khí”)

Tập thơ “Điêu tàn” của Chế Lan Viên được xuất bản năm 1937 với lời tựa kinh dị chưa từng có làm sững sốt làng thơ Việt Nam lúc bấy giờ. Hàn Mặc Tử còn chiêu tập thêm một thi sĩ “phi thường” tiêu biểu cho lối thơ tượng trưng: đó là Bích Khê (ở Quảng Ngãi) với tập thơ “Tình huyết”. Hàn Mặc Tử đã đề tựa “Tình huyết”, viết lời bạt cho “Một tấm lòng”, viết tựa “Thơ điên”, tựa “Xuân như ý”... phát lộ ra ánh sáng mới lạ của những quan điểm nghệ thuật tượng trưng ít nhiều bắt đầu ngả sang màu Siêu thực. Tất cả đều là những tuyên ngôn nghệ thuật của “Trường thơ loạn” với bộ ba tiêu biểu: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê và một số nhà thơ khác nữa như Yến Lan, Hoàng Diệp, Quỳnh Giao.

Trong “Hàn Mặc Tử thi sĩ tiên chiến” Hoàng Diệp viết như sau “Hàn Mặc Tử khai trương trường thơ Giếng loạn trong một buổi họp tại nhà riêng, chỉ có thức uống là nước trà, nhưng khi viết tới đây tôi nhớ tới câu nói của một nhà văn Nhật Bản, ông Ôkaku Kakuzo: “Trong thứ nước thơm ngát rót trong chén trà ấy, người uống có thể nếm được cái đậm đà thú vị của Khổng Tử, cái chan chát của Lão Tử và cái hương mát rượi của Thích Ca Mâu ni” (Le livre du Thé, xuất bản 1927). Trường thơ Giếng loạn của Hàn Mặc Tử sau này đổi thành Trường thơ loạn, rồi một lần nữa đổi thành Trường thơ điên(6)”.

Sau nhiều lần bình thơ, thảo luận các vấn đề văn học thậm chí đã tranh cãi rất hăng về việc đặt tên cho nhóm thơ. Cuối cùng các thi sĩ đã chọn cái tên “Nhóm trường thơ loạn”. Cái tên “Trường thơ điên” có

lẽ xuất hiện sau khi Hàn Mặc Tử mắc bệnh nan y phải vào Quy Hoà. Năm 1937, nhóm “Trường thơ loạn” đã ra tập san “Nắng Xuân”. Trong tập này có in bài “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử đề tặng Chế Lan Viên. Đặc biệt Hàn Mặc Tử đăng cả thiên phóng sự ngắn “Ông Nghị giật” ám chỉ một thi sĩ địa phương chỉ biết hai tiếng OUI, NON và cúi gập đầu trong các cuộc họp nghị trường. Khi đã chấp nhận là người đứng đầu “Trường thơ loạn”, Hàn Mặc Tử bắt đầu sáng tác “Đau thương”-1937. Cũng năm ấy Chế Lan Viên xuất bản “Điều tàn”, Bích Khê vắt kiệt “Tinh huyết” cho thơ tượng trưng, Hoàng Diệp viết “Xác thu”. Các thi sĩ Trường thơ loạn thu mình lại trong sâu thẳm của cái tôi nội cảm trở về bên trong kín của tiềm thức, vô thức. Họ trình bày sự bí ẩn siêu nghiệm ấy gián tiếp qua những hình ảnh tượng trưng, qua những rùng rợn biểu tượng (Symbole). Họ yêu thích Baudelai, Degas Poe và các thi sĩ tượng trưng phương Tây. Họ tôn thờ ý tưởng của Mallarmé: “Nói cho rõ một vật, có nghĩa là bỏ qua mất ba phần tư lạc thú khi đọc thơ”. Bởi thế đương thời người ta không hiểu được “Trường thơ loạn”, “Trường thơ điên”. Hoài Thanh cảm thấy “mệt lả” sau khi rờng rã mấy tháng trời đọc thơ Hàn Mặc Tử. Theo nhà phê bình này, thơ Hàn mà đọc ba lần thì coi như chưa đọc gì cả.

Tập “Điều tàn” của Chế Lan Viên đã xuất hiện như một niềm kinh dị giữa cánh đồng văn học Việt Nam. Nó như cái tháp chàm bí ẩn đứng lẻ loi trầm mặc u buồn giữa “một thế giới đầy sọ dừa, xương máu cùng yêu ma” (Hoài Thanh). Trong tựa “Thơ điên”, Hàn Mặc Tử viết: “tôi làm thơ! Nghĩa là tôi yếu đuối quá! Tôi bị cảm dỗ, tôi phản lại những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. Và cũng có nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên...”. Như vậy theo Hàn Mặc Tử làm thơ là viết bằng vô thức, tiềm thức khi mà lý trí bị đánh bật ra ngoài. Năm 1938 với bài “Chế Lan Viên một thi sĩ điên” trên báo Tiến Bộ, Tử lại khẳng định và “vỗ tay reo vang”: “Ha ha! chúng ta đây là hai thi sĩ điên rồ đây”. Trong tựa “Điều Tàn” Chế Lan Viên lại cực đoan hơn: “Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: làm thơ là sự phi thường. Thi sĩ không phải là người, nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu. Nó thoát hiện tại. Nó xáo trộn dĩ vãng. Nó ôm trùm tương lai. Người ta không hiểu được vì nó nói những cái vô nghĩa, tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý”.

Đề tựa “Tinh huyết” cho Bích Khê, Hàn Mặc Tử nhận thấy ở chàng thi sĩ thần linh này có những yếu tố cực kỳ mới lạ. Ông viết: “Thi sĩ khát khao hoài vọng cái mới cái đẹp, cái gì rung cảm hồn phách chàng đến tê liệt đại khờ, dù cái đẹp ấy cao cả hay đê tiện, tinh khiết hay nhơ bẩn miễn là có tính chất gây nên đê mê khoái lạc. Mới đây ta nhận thấy văn thơ của Bích Khê nhuộm đầy máu huyết của Baudelaire tác giả tập “Hoa ác” (Les fleus du Mal).

Như vậy, đến “Trường thơ loạn”, quan niệm về thơ và thiên chức của nhà thơ đã có những thay đổi quan trọng. Những mẫu hình “ru với gió”, “Đắm tình và mộng” của chủ nghĩa lãng mạn đã bị thay thế bằng những quan niệm thẩm mỹ khác lạ của chủ nghĩa Tượng trưng. Siêu thực. Hàn Mặc Tử và các thi sĩ Trường thơ loạn “bắt đầu đi tìm cái đẹp ở những bến bờ xa lạ của cảm giác, tìm những khoái lạc bệnh tật ở những vùng đất hoang dại chưa được khai phá”. Họ cho rằng nghệ thuật phải là nghệ thuật thuần túy. Hàn Mặc Tử đã đẩy hết những dấu tích hiện thực ra khỏi địa hạt thi ca, chỉ giữ lại “trăng, hoa, nhạc, hương” mà thi sĩ gọi là những yếu tố của thi ca (Elements de la poésie). Ở đây nhà thơ đã chịu ảnh hưởng thuyết “Tương hợp” của Baudelaire là “hương thơm nà sắc và âm thanh tương ứng”. Hàn Mặc Tử khao khát vươn tới một mùa “Xuân như ý”, cao hơn nữa đến tận “Thượng thanh khí” nơi chỉ có cao khiết, muôn đời sáng láng thơm tho vĩnh hằng, bất tử. Thơ của Hàn Mặc Tử vốn có bản chất trong ngần như ngọc mà ta đã từng chiêm ngưỡng ở một “Mùa Xuân chín” hay khoảng khắc diệu kỳ của “Vĩ Dạ Thôn”. Đến khi biết không thể sống trong trần thế, Hàn Mặc Tử đã hướng về cõi vô cùng. Khác với thơ Thiên chúa của P.Claudiel, Hàn Mặc Tử đã nâng hồn mình lên cõi Thượng thanh khí, đến một vùng trời tinh khiết vô ngần của ước mơ, khát vọng. Đó là một cõi mùa xuân vĩnh hằng mà Hàn mong chờ không chỉ cho riêng thi sĩ mà cho tất cả: “Tứ thời xuân, Tứ thời non nước...”. Hàn Mặc Tử và các thi sĩ “Trường thơ loạn” đã chịu ảnh hưởng những quan niệm thẩm mỹ của Baudelaire, Verlaire, Mallarmé, Rimbaud, Valéry, Claudiel....

Tuy vậy, từ ý tưởng đến thực tiễn là một khoảng cách khá xa. Thực ra khi thành lập nhóm “Trường thơ loạn”, Hàn Mặc Tử và các thi hữu của ông khát khao tạo dựng một trời thơ riêng của Nam Trung Bộ

để xứng đáng là “anh hùng tương ngộ” với Thế Lữ - ông hoàng của thơ ca lãng mạn, với Xuân Diệu - một Hy Mã Lạp Sơn của thơ mới, với Huy Cận - ngọn “Lửa Thiêng” huyền bí của thơ ca Việt Nam. Nghĩa là họ muốn trở thành một “trường phái” hẳn hoi: có tuyên ngôn nghệ thuật, có thực tiễn sáng tác, có “lưng vốn” thi ca để đối thoại với đời, có gương mặt rạng rỡ hơn trong vườn thơ “trăm hồng ngàn tía” 1932-1945. Họ đã đi qua đỉnh cao của lãng mạn, bước vào địa hạt thi ca tượng trưng rồi tiến nhanh đến ranh giới giữa tượng trưng và siêu thực để đặt một chân vào lâu đài thơ ca bí ẩn này. Trong thực tế thì nhóm “Trường thơ loạn” mới chỉ là hoa trái ban đầu của khuynh hướng thơ lãng mạn tượng trưng thời kỳ thơ mới 1932-1945. Nhưng Trường thơ loạn đâu dễ dàng được chấp nhận. Vì thế Hoàng Diệp đã nhận xét: “Cành hoa thi ca của Hàn Mặc Tử đã nở tung ra trước thời tiết của đất trời mùa xuân nên sắc có vẻ nghệ sộ, hương có vẻ khó chịu do đó mới có lối nhận xét quá nghiêm khắc của các nhà phê bình văn học thời tiền chiến”. Chính Xuân Diệu trong bài “thơ của Người” đã có những phản ứng kịch liệt kiểu thơ điên loạn. Hoài Thanh thì dè dặt hơn, thậm chí có lúc tỏ ra bất lực khi đánh giá Hàn Mặc Tử và Trường thơ loạn. Sau khi Hàn Mặc Tử qua đời (1940), nhóm “Trường thơ loạn” cũng bị phân tán. Bích Khê mắc bệnh nan y và tạ thế. Chế Lan Viên bắt đầu đi từ vàng sao của hư vô đến với vàng sao cách mạng, “từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui”.

Giữa lúc đó ở ngoài Bắc nhóm “Xuân Thu Nhã Tập” đã hình thành. Điều đáng chú ý là một trong những người sáng lập ra nó lại là người gốc Quy Nhơn - Bình Định: Thi sĩ Nguyễn Xuân Sanh “Xuân Thu Nhã Tập” đã đi tiếp con đường của “Trường thơ loạn”, đạt tới độ chót của thơ tượng trưng, siêu thực với những câu thơ kín mít khó hiểu đến tột cùng kiểu Mallarmé. Như vậy với hành trình ngắn ngủi khoảng trên mười năm, khuynh hướng thơ lãng mạn tượng trưng 1932-1945 đã kết thúc. Dù sao thì nó cũng đã kịp để lại những dấu ấn đậm nét về một cuộc cách mạng trong thi ca Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Nhìn chung lại, ta thấy sự hình thành khuynh hướng thơ lãng mạn tượng trưng ở Bình Định đã diễn ra thật nhanh chóng và bùng nổ. Từ “Thái Dương văn đoàn” đến nhóm thơ Quy Nhơn - Bình Định “Bàn thành tứ hữu” rồi thu gọn lại ở “Trường thơ loạn” - “Trường thơ điên”,

đó chính là con đường phát triển của thơ mới lãng mạn tượng trưng ở Bình Định và Nam Trung Bộ. Hàn Mặc Tử là ngọn cờ tiêu biểu của khuynh hướng thơ ca này với những ảnh hưởng quan trọng về quan điểm thẩm mỹ, phương pháp sáng tác, về quá trình thanh lọc những ảnh hưởng của thơ Pháp, thơ Đường đối với thi ca Việt Nam.

“Hàn Mặc Tử đã có nhiều cố gắng tổng hợp vào bản thân mình những truyền thống văn học xưa và nay, dân gian và hiện đại, phương Đông và phương Tây, Thiên chúa giáo, Phật giáo và Khổng giáo Lão giáo”(7).

Đó là một sự tích hợp kỳ lạ hiếm có của một nghệ sĩ trong lịch sử phát triển văn học Việt Nam xưa nay. Khuynh hướng lãng mạn tượng trưng ở Bình Định với tên tuổi Hàn Mặc Tử và các thi sĩ Trường thơ loạn đã trở thành một trong những sự kiện nổi bật, độc đáo, bất thường của phong trào thơ mới 1932-1945.

CHÚ THÍCH:

- (1),(2). Hoài Thanh, Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam*. NXB Văn học 1998, tr 375-376.
- (3). Phan Canh. *Thi ca Việt Nam thời tiền chiến 1932-1945*. NXB Đồng Nai 1999, tr 262.
- (4). Nguyễn Việt Lãm. *Tuyển tập Nguyễn Việt Lãm*. NXB Văn học 1997, tr 290.
- (5). Trần Thị Huyền Trang. *Hàn Mặc Tử hương thơm và mật đắng*. NXB Văn học 1997, tr 89.
- (6). Hoàng Diệp. *Hàn Mặc Tử thi sĩ tiền chiến*. NXB Khai trí-Sài Gòn 1968, tr 22.
- (7). Phan Cự Đệ. *Hàn Mặc Tử phê bình và tưởng niệm*. NXB Giáo dục 1993, tr 78.